

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **381/2020/HS-ST**

Ngày 02-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Trung;

Bà Bùi Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 383/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**; tên gọi khác: Út; Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Số 130 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đ và bà Lê Thị Tuyết M; bị cáo có vợ là chị Võ Thị Kim P và có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phan Thanh S**; tên gọi khác: Lùn; Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1993 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm mộc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị H; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 10/2014/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 23/3/2015 và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Vinh P**; tên gọi khác: Cu; Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1988 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Khánh T (đã chết) và bà Bùi Thị M; bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Kim L và có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Đậu Thiện N, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Bùi H, sinh năm 1946 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người chứng kiến:

1. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Doãn T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 192B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Trần Văn V, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 6A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S và Trần Vinh P đều là các đối tượng nghiện chất ma túy loại Methaphematin (hay còn gọi là ma túy đá). Do không có việc làm nên Nguyễn Hữu Đ nghĩ cách mua ma túy loại Methamphetamine mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại cho các con nghiện khác kiếm lời.

Quá trình sinh sống và sử dụng ma túy, Phan Thanh S quen biết với bạn nghiện là Trần Vinh P và người bán ma túy đá là Nguyễn Hữu Đ. Vào khoảng trưa ngày 18 tháng 7 năm 2020, Trần Vinh P dùng điện thoại di động hiệu Vivo, gắn sim số 0862240009 liên lạc với Phan Thanh S rủ mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Phan Thanh S đồng ý và nói Trần Vinh P chuyển tiền cho Phan Thanh S theo số tài khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 0231000659XXX mang tên Phan Thanh S. Đồng thời, Phan Thanh S nói với Trần Vinh P cho ứng trước số tiền để làm điện thoại vỏ gỗ mà Trần Vinh P đã nhờ Phan Thanh S làm trước đó. Sau đó, Trần Vinh P đã dùng thẻ ATM của Ngân hàng số tài khoản 0231000657XXX mang tên Nguyễn Thị Kim L chuyển cho Phan Thanh S số tiền 1.500.000đồng. Trong đó 1.000.000đồng dùng để mua ma túy và 500.000đồng là tiền làm điện thoại vỏ gỗ. Sau khi nhận được tiền, Phan Thanh S dùng điện thoại di động, hiệu Nokia model 150, màu đen, gắn sim số 0974511123 gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu Đ theo số 0356777845 hỏi mua 1.000.000đồng ma túy đá. Do không có tiền mặt nên Phan Thanh S đề nghị chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, đồng thời trả nợ cho Nguyễn Hữu Đ số tiền 200.000đồng mà Phan Thanh S mượn của Nguyễn Hữu Đ từ trước dùng để tiêu xài cá nhân và nhờ Nguyễn Hữu Đ rút giúp 100.000đồng tiền mặt. Nguyễn Hữu Đ đồng ý và nhấc số tài khoản Ngân hàng 1015201XXX mang tên Nguyễn Hữu Đ cho Phan Thanh S. Sau đó, Phan Thanh S đã chuyển khoản tổng cộng số tiền 1.300.000đồng cho Nguyễn Hữu Đ qua số tài khoản ngân hàng trên. Do

không còn ma túy nên Nguyễn Hữu Đ gọi điện thoại cho một người nam giới tên L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nhờ L giao ma túy cho Phan Thanh S. Sau đó, Nguyễn Hữu Đ nhắn tin số điện thoại 0906744XXX của L cho Phan Thanh S, nói Phan Thanh S đi đến khu vực ngã tư đường H D và đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để lấy ma túy. Phan Thanh S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, mang biển số: 70PA – 27XX đi từ nhà ở thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến điểm hẹn. Khi đến nơi, có một người nam giới (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ra đưa cho Phan Thanh S 01 gói ma túy đá.

Sau khi mua được ma túy, Phan Thanh S cất giấu gói ma túy trong túi quần phía sau bên phải đang mặc và đi đến khu vực đường L gặp Nguyễn Hữu Đ lấy 100.000đồng rồi điều khiển xe đi về hướng thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng ma túy cùng với Trần Vinh P. Khi Phan Thanh S đi đến ngã ba đường N và đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ: 01 gói nylon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, Phan Thanh S khai nhận gói nylon là ma túy đá được niêm phong trong một phong bì thư theo quy định.

Qua điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Vinh P. Trần Vinh P khai nhận đã dùng thẻ ATM của Ngân hàng số tài khoản 0231000657XXX mang tên Nguyễn Thị Kim L chuyển cho Phan Thanh S số tiền 1.500.000đồng. Trong đó số tiền 1.000.000đồng để mua ma túy sử dụng cùng với Phan Thanh S và 500.000đồng là tiền trả trước cho Phan Thanh S làm điện thoại vỏ gỗ.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, Nguyễn Hữu Đ dùng điện thoại iPhone, màu đen, gắn sim số 0356777XXX gọi cho một người nam giới tên C (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi mua “hộp năm” ma túy đá mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại kiếm lời. C đồng ý và báo giá là 3.000.000đồng và hẹn Nguyễn Hữu Đ đến khu vực đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sẽ có người giao ma túy cho Nguyễn Hữu Đ. Sau đó, Nguyễn Hữu Đ mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius mang biển số: 47B1 – 15XXX của anh Hồ Ngọc H và rủ anh Đậu Thiện N đi chơi. Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô chở anh Đậu Thiện N đi đến khu vực đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và nói anh N đứng đợi, rồi một mình đi gặp một người nam thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mua 02 gói ma túy đá với số tiền 3.000.000đồng. Sau

khi mua được ma túy, Nguyễn Hữu Đ cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc rồi chở anh Đậu Thiện N đi công việc. Khi cả hai đi đến hẻm 116/19 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì Nguyễn Hữu Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ: 02 gói nylon đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Nguyễn Hữu Đ khai nhận 02 gói nylon đều là ma túy đá, Nguyễn Hữu Đ mua về mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại kiếm lời được niêm phong theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 652/GĐMT-PC09 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 01 (*Một*) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,8205gam, loại: Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng có khối lượng 0,7982 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Tại Kết luận giám định số 688/GĐMT-PC09 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 02 (*Hai*) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,3314gam, loại: Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 4,2298 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Ngoài ma túy thu giữ lúc bắt quả tang và khi khám xét khẩn cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột còn tạm giữ các vật chứng gồm:

Tạm giữ của Nguyễn Hữu Đ: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu xanh, mang biển số: 47B1 – 15XXX, số máy 3S31037XXX, số khung 3S3106Y037XXX, dung tích xi lanh 110; 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, gắn sim số 0356777XXX.

Tạm giữ của Phan Thanh S: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, biển số: 70PA – 27XX, số máy SS50E-184XXX, số khung SS50-200XXX, dung tích xi lanh 49; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model 150, màu đen, gắn sim số 0974511XXX, 0935899XXX; 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng, IMEI: 359500084877XXX, gắn sim số 0927481XXX; Số tiền 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*).

Tạm giữ của Trần Vinh P: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số kiểu máy: vivo1820, IMEI 1: 865315048662XXX, IMEI 2: 865315048662XXX, gắn sim số 0862240XXX, 0867021XXX.

Cáo trạng số 384/CT-VKS ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*, theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Phan Thanh S và Trần Vinh P về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*;

Tuyên bố các bị cáo Phan Thanh S, Trần Vinh P phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Vinh P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Tịch thu tiêu hủy: 0,7982 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, thu giữ của Phan Thanh S được niêm phong trong phong bì số 652/GĐMT-PC09 và 4,2298 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau

giám định của Nguyễn Hữu Đ được niêm phong trong phong bì số 688/GĐMT-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, còn nguyên vẹn.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, gắn sim số 0356777XXX của bị cáo Nguyễn Hữu Đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model 150, màu đen, gắn sim số 0974511XXX, 0935899XXX của bị cáo Phan Thanh S; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, số kiểu máy: vivo1820, IMEI 1: 865315048662XXX, IMEI 2: 865315048662XXX, gắn sim số 0862240XXX, 0867021XXX của bị cáo Trần Vinh P, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Phan Thanh S 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone, màu trắng, IMEI: 359500084877XXX, gắn sim số 0927481XXX và số tiền 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) là tài sản của bị cáo Phan Thanh S, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) của bị cáo Nguyễn Hữu Đ là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, Nguyễn Hữu Đ đã mua ma túy mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại cho các con nghiện kiếm lời. Vào trưa ngày 18 tháng 7 năm 2020, Nguyễn Hữu Đ đã bán 01 gói ma túy có khối

lượng 0,8205gam, loại Methamphetamine với giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho Phan Thanh S. Đây là ma túy do Trần Vinh P đưa 1.000.000 đồng cho Phan Thanh S mua mục đích để sử dụng chung. Khi Phan Thanh S đi đến ngã ba đường N và L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang. Đến khoảng 16 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại hẻm số 116/19 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang Nguyễn Hữu Đ tàng trữ 02 gói ma túy có tổng khối lượng 4,3314 gam, loại Methamphetamine, Nguyễn Hữu Đ khai nhận đây là ma túy Nguyễn Hữu Đ mua của đối tượng nam thanh niên tên C mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại kiếm lời.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Phan Thanh S và Trần Vinh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam;

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

.....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

i, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách độc quyền quản lý về ma túy của nhà nước. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng mọi hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, bị cáo Nguyễn Hữu Đ vào ngày 18 tháng 7 năm 2020 đã bán trái phép 0,8205 gam ma túy, loại Methamphetamine, với giá 1.000.000 đồng cho Phan Thanh S. Đến ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại hẻm 116/19 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị cáo Nguyễn Hữu Đ tàng trữ 4,3314gam ma túy, loại Methamphetamine, Nguyễn Hữu Đ khai nhận số ma túy trên do Nguyễn Hữu Đ cất giấu, mục đích để vừa sử dụng vừa bán lại kiếm lời. Bị cáo Phan Thanh S đã có hành vi tàng trữ 0,8205 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Phan Thanh S và Trần Vinh P khai nhận đây là ma túy do Trần Vinh P đưa 1.000.000 đồng cho Phan Thanh S mua mục đích để sử dụng chung. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Phan Thanh S, Trần Vinh P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trần Vinh P có nhân thân tốt. Bị cáo Phan Thanh S có nhân thân xấu, ngày 25 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 10/2014/HSST.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo khác nhau, do đó cần phân hóa từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với 02 tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất và mức độ lỗi của bị cáo Nguyễn Hữu Đ rất nghiêm trọng, cao hơn bị cáo Phan Thanh S và Trần Vinh P nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ cao hơn các bị cáo Phan Thanh S, Trần Vinh P là phù hợp.

Bị cáo Phan Thanh S và Trần Vinh P đã có hành vi tàng trữ 0,8205gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Bị cáo Trần Vinh P là người rủ rê bị cáo Phan Thanh S mua ma túy về để sử dụng và số tiền 1.000.000 đồng để mua ma túy là của bị cáo Trần Vinh P đưa cho bị cáo Phan Thanh S. Bị cáo Phan Thanh S là người trực tiếp liên hệ với bị cáo Nguyễn Hữu Đ để mua ma túy và là người trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng. Xét tính chất và mức độ hành vi của bị cáo Phan Thanh S bằng bị cáo Trần Vinh P. Tuy nhiên, bị cáo Phan Thanh S có nhân thân xấu nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Phan Thanh S phải cao hơn bị cáo Trần Vinh P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, biển số: 70PA – 27XX, số máy SS50E-184XXX, số khung SS50-200XXX, dung tích xi lanh 49, theo kết quả điều tra xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1970, trú tại: Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T. Bị cáo Phan Thanh S khai nhận chiếc xe mô tô này là tài sản của bị cáo mua lại từ một người nam giới tên T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã có Công văn ủy thác cho Cơ qua Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh về việc xác minh chiếc xe mô tô nói trên. Đến nay chưa có kết quả trả lời và chưa làm việc được với đối tượng tên Tèo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tách chiếc xe mô tô và đối tượng tên T này ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu xanh, mang biển số: 47B1 – 15XXX, số máy 3S31037XXX, số khung 3S3106Y037XXX, dung tích xi lanh 110, theo kết quả điều tra xác định chủ sở hữu là ông Bùi H, sinh năm: 1946, trú tại: Thôn 12, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk

Lắc. Vào khoảng năm 2011 ông Bùi H đã cho con dâu là chị Nguyễn Thị S chiếc xe mô tô nói trên để sử dụng. Sau đó, chị Nguyễn Thị S đã để lại quyền sử dụng chiếc xe mô tô trên cho anh Hồ Ngọc H. Anh Hồ Ngọc H cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ mượn chiếc xe trên nhưng không biết việc bị cáo Nguyễn Hữu Đ sử dụng chiếc xe vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với chị Nguyễn Thị S. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Hồ Ngọc H và tách chiếc xe mô tô trên ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S và Trần Vinh P, Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 là phù hợp.

Đối với các đối tượng nam giới tên T, C đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ và đối tượng tên L giao ma túy cho bị cáo Phan Thanh S và có các số điện thoại 0906744XXX, 0942790XXX, 0985902XXX. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh các đối tượng nêu trên và có Công văn đề nghị cung cấp thông tin về chủ thuê bao nhưng hiện vẫn chưa có kết quả trả lời và chưa xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Buôn Ma Thuột tách hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các đối tượng này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Đậu Thiện N đi cùng bị cáo Nguyễn Hữu Đ đến khu vực đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Anh Đậu Thiện N không biết việc bị cáo Nguyễn Hữu Đ đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối anh Đậu Thiện N là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim L là vợ của bị cáo Trần Vinh P. Chị Nguyễn Thị Kim L cho bị cáo Trần Vinh P mượn thẻ ATM của Ngân hàng N, số tài khoản 0231000657XXX mang tên Nguyễn Thị Kim L để chuyển tiền mua ma túy cho bị cáo Phan Thanh S. Chị L không biết việc bị cáo Trần Vinh P sử dụng thẻ ATM của chị L để chuyển tiền cho bị cáo Phan Thanh S mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị Kim L là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 0,7982 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, thu giữ của Phan Thanh S được niêm phong trong phong bì số 652/GĐMT-PC09 và 4,2298 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định của Nguyễn Hữu Đ được niêm phong trong phong bì số 688/GĐMT-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, còn nguyên vẹn, là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, gắn sim số 0356777XXX của bị cáo Nguyễn Hữu Đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model 150, màu đen, gắn sim số 0974511XXX, 0935899XXX của bị cáo Phan Thanh S; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, số kiểu máy: vivo1820, IMEI 1: 865315048662XXX, IMEI 2: 865315048662XXX, gắn sim số 0862240XXX, 0867021XXX của bị cáo Trần Vinh P, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone, màu trắng, IMEI: 359500084877XXX, gắn sim số 0927481XXX và số tiền 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) là tài sản của bị cáo Phan Thanh S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phan Thanh S nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với: Số tiền 1.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo Nguyễn Hữu Đ thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Phan Thanh S và Trần Vinh P. Do đó, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu Đ là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

- *Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ **07 (Bảy) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/7/2020.

- *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh S **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2020.

- *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố: Bị cáo Trần Vinh P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Trần Vinh P **01 (Một) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2020.

Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Tịch thu tiêu hủy: 0,7982 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, thu giữ của Phan Thanh S được niêm phong trong phong bì số 652/GĐMT-PC09 và 4,2298 gam chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định của Nguyễn Hữu Đ được niêm phong trong phong bì số 688/GĐMT-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, còn nguyên vẹn.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, gắn sim số 0356777XXX của bị cáo Nguyễn Hữu Đ; 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model 150, màu đen, gắn sim số 0974511XXX, 0935899XXX của bị cáo Phan Thanh S; 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, số kiểu máy: vivo1820, IMEI 1: 865315048662XXX,

IMEI 2: 865315048662XXX, gắn sim số 0862240XXX, 0867021XXX của bị cáo Trần Vinh P, sử dụng vào mục đích phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Phan Thanh S: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng, IMEI: 359500084877XXX, gắn sim số 0927481XXX và số tiền 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng) là tài sản của bị cáo Phan Thanh S, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Hữu Đ là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/11/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Phan Thanh S, Trần Vinh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My